

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn giữa chị Hương và anh Bắc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/07/2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt B, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt B tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn

vào ngày 04/01/2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 2 con, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ngoài ra vợ chồng không thống nhất được kinh tế với nhau. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh **Nguyễn Việt B**

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là **Nguyễn Trần Huyền D**, sinh ngày 19/10/2010 và **Nguyễn Trần Long V**, sinh ngày 09/8/2012; hiện hai con đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con; hiện chị đang bán hàng ăn thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh **Nguyễn Việt B**, anh **B** đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản của mình về việc chị **H** xin ly hôn cho Toà án.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại **UBND xã X***

Chị **Trần Thị H** và anh **Nguyễn Việt B** là người có nơi cư trú tại **xã X**.

Khi Toà án gửi các văn bản tố tụng thông qua **UBND xã X** để tổng đạt cho anh **Nguyễn Việt B1**, **UBND xã X** đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh **B1**, anh **B1** đã ký nhận. Còn anh **B1** có đến Toà để làm việc hay không do anh **B1**, anh **B1** không đến Toà án làm việc coi như tự tước quyền của mình.

* Về quan hệ hôn nhân: Trước khi chị **Trần Thị H** lấy anh **Nguyễn Việt B**, chị **H** đã có một đời chồng và đã ly hôn. Chị **Trần Thị H** và anh **Nguyễn Việt B** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định** đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2012. Chị **H** và anh **B** mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngoài ra vợ chồng không thống nhất về kinh tế gần một năm nay chị **H** và anh **B** không chung sống với nhau nữa, chị **H** đã thuê nhà ra ở riêng. Căn cứ vào lời trình bày của **H** cũng như thực trạng hôn nhân của các bên đề nghị Tòa án giải quyết ly cho chị **H** được ly hôn anh **B**.

* Về con chung: Chị **H** và anh **B** có 02 con chung tên là **Nguyễn Trần Huyền D**, sinh ngày 19/10/2010 và **Nguyễn Trần Long V**, sinh ngày 09/8/2012; hiện hai con đang ở với chị, khi ly hôn chị **H** xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con; Căn cứ vào lời trình bày của chị **H**, chị **H** xin nhận nuôi cả hai con là phù hợp, bởi lẽ trong quá trình Toà án giải quyết anh **B** không đến Toà án làm việc không gửi ý kiến bằng văn bản của mình không biết là có nuôi con không. Để đảm bảo cuộc sống cho các cháu, vì vậy đề nghị Toà án nên giao cho chị **H** tiếp tục nuôi cả 2 con và anh **B** không phải cấp dưỡng

nuôi con là phù hợp.

* Về tài sản: Ở địa phương chị **H** và anh **B** có tài sản, đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa chị **Trần Thị H** và anh **Nguyễn Việt B**.

Về con chung: Giao cho chị **Trần Thị H** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 2 con **Nguyễn Trần Huyền D**, sinh ngày 19/10/2010 và **Nguyễn Trần Long V**, sinh ngày 09/8/2012. Anh **Nguyễn Việt B** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị H** và anh **Nguyễn Việt B** đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị **H** và anh **B** sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói cũng như không thống nhất trong kinh tế gia đình. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh **B**, anh **B** đã nhận nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn cho Tòa án về việc chị **H** xin ly hôn, điều đó chứng tỏ anh **B** không thiết tha mặn mà với cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **B** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **H** xin ly hôn anh **B** là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị **H** là xử cho ly hôn với anh **B** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **B** có 02 con chung tên là **Nguyễn Trần Huyền D**, sinh ngày 19/10/2010 và **Nguyễn Trần Long V**, sinh ngày 09/8/2012; hiện hai con đang ở với chị **H**, khi ly hôn chị **H** xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị **H** xin nhận nuôi cả hai con nên HĐXX sẽ giao cho chị **H** tiếp tục nuôi cả hai con và nghi nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị **H** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị H** và anh **Nguyễn Việt B**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Trần Thị H** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 2 con **Nguyễn Trần Huyền D**, sinh ngày 19/10/2010 và **Nguyễn Trần Long V**, sinh ngày 09/8/2012. Anh **Nguyễn Việt B** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị **Trần Thị H** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị H** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000153 ngày 21/5/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị **Trần Thị H** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã .
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

Phạm Ngọc Long

